TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST Ngày 28/12/2017. V/v: Không công nhận vợ chồng.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Đào Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX- ST ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; (Nguyễn Thị K, sinh năm 1972); *(có mặt)*

STQ: Thôn Đ, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1964; *(vắng mặt)*

STQ: THôn N, xã P, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Hoàng Văn L kết hôn năm 1989, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nhưng cho đến nay không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh L làm dâu ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 1997. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm. Anh L đam mê cờ bạc không chịu làm ăn, nợ nần nhiều, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh L không thay đổi. Năm 1998 chị đi vào Miền Nam làm ăn kinh tế, đến năm 2016 chị mới trở về địa phương sinh sống. Suốt khoảng thời gian từ năm 1998 cho đến nay giữa chị và anh L không còn liên lạc gì với nhau, cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Sau khi trở về địa phương sinh sống chị cũng làm nhà ở riêng chứ không quay lại

chung sống cùng anh L. Giữa anh, chị và gia đình hai bên cũng không có hàn gắn, hòa giải để anh, chị về đoàn tụ. Vợ chồng ly thân từ năm 1998 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy, chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Hoàng Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Hoàng Thị M, sinh ngày 18/3/1990 và Hoàng Văn H, sinh ngày 24/4/1994. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, do vậy chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng, chị không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo bị đơn anh Hoàng Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn với nhau năm 1989 theo phong tục tập quán địa phương, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nhưng do thời gian quá lâu, đăng ký kết hôn đã bị mất. Cưới xong chị K về chung sống cùng anh ngay. Vợ chồng có thời gian dài sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 1995. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị K đã bỏ nhà đi từ năm 1995. Đến năm 1998 chị K có quay về chung sống cùng anh được khoảng 2-3 tháng xong lại đi tiếp. Đến năm 2016 chị K trở về địa phương sinh sống nhưng mua đất và làm nhà ở riêng không quay lại chung sống cùng anh nữa. Bản thân anh và gia đình hai bên cũng không có hàn gắn cho vợ chồng về đoàn tụ. Anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 1998 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị M, sinh ngày 18/3/1990 và Hoàng Văn H, sinh ngày 24/4/1994. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, do vậy anh không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng định xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị K giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có yêu cầu, đề nghị nào khác. Anh Hoàng Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cũng như xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/10/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Hoàng Văn L. Anh L không biết viết bản tự khai và đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh, tuy nhiên ngày 25/10/2017 anh L đã có đơn đề nghị Tòa án xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và khi xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo theo trình tự thủ tục chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L chung sống với nhau từ năm 1989, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán tại địa phương, anh L chị K thừa nhận vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Yên Dũng, nhưng do thời gian quá lâu anh chị không còn lưu giữ. Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã P nơi anh chị sinh trú quán, song UBND xã P xác nhận sổ đăng ký kết hôn thời kỳ năm 1989 trở về trước không còn lưu trữ, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 cho đến nay không có tên chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L. Do vậy có cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị K, anh L đã ly thân nhau từ năm 1998 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, anh L cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh và chị K. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Chị K, anh L xác nhận các con đã trưởng thành, do vậy anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, 227, 228 điều 271 và điều 273 Bộ luật tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1969 (tức Nguyễn Thị K, sinh năm 1972) và anh Hoàng Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu số: AA/2010/000975 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện Yên Dũng (xác nhận chị Khoa đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sư;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh